

Biểu số 3 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018 ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: TRƯỜNG MN THÁI MỸ

Chương: 622

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Củ Chi, ngày 01 tháng 04 năm 2022

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ I/ 2022

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị

dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Trường Mầm Non Thái Mỹ công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý I/2022 như sau:

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý I/2022	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý I/2022 năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
I	Nguồn ngân sách trong nước				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	6.008.839.805	1.152.370.678	19,18	71,85
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	4.539.265.805	991.262.472	21,84	82,95
6000	Tiền lương	1.862.385.049	398.353.425	21,39	71,44
6050	Tiền công trả cho lao động thường xuyên theo hợp đồng				-
6100	Phụ cấp lương	1.040.927.755	288.872.925	27,75	80,01
6200	Chi tiền thưởng	13.857.000		0,00	-
6300	Các khoản đóng góp	485.977.193	126.845.073	26,10	135,38
6400	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	521.000.000	55.000.000		#DIV/0!
6500	Thanh toán dịch vụ công cộng	31.000.000	3.898.751	12,58	60,31
6550	Vật tư văn phòng	25.000.000	1.923.000	7,69	#DIV/0!
6600	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	33.000.000	4.037.998	12,24	97,68
6700	Công tác phí	29.400.000	6.600.000	22,45	75,00
6750	Chi phí thuê mướn	409.000.000	98.930.000	24,19	60,73
6900	Sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn và duy tu, bảo dưỡng các công trình cơ sở hạ tầng từ kinh phí thường xuyên	44.000.000	4.800.000	10,91	#DIV/0!
6950	Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	14.000.000		0,00	#DIV/0!
7000	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	15.718.808		0,00	#DIV/0!
7050	Mua sắm tài sản vô hình	10.000.000	1.800.000	18,00	#DIV/0!
7750	Chi khác	4.000.000	201.300	5,03	52,59
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.469.574.000	161.108.206	10,96	39,41
6100	Phụ cấp lương	721.935.000	127.508.206	17,66	44,88
6150	Học bổng học sinh sinh viên	7.200.000		0,00	#DIV/0!

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý I/2022	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý I/2022 năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
6400	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	710.439.000	33.600.000	4,73	26,94
6900	Sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn và duy tu, bảo dưỡng các công trình cơ sở hạ tầng từ kinh phí thường xuyên	30.000.000		0,00	#DIV/0!

Kế toán

Ngày 01 tháng 04 năm 2022

Thủ trưởng đơn vị


Nguyễn Thị Hồng Vân




Nguyễn Thị Nữ